

BẢNG KÊ THANH TOÁN

Ngày 24 tháng 09 năm 2022

Số chứng từ: 5347

TÊN ĐƠN VỊ THANH TOÁN254000000439 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
NGỌC THƠM**THỜI HẠN HỢP ĐỒNG****PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

hóa đơn / PNK phát sinh tháng trước vào ngày 20

NGÀY ĐẾN HẠN CHUYỂN TIỀN

24/09/2022

CÔNG NỢ CÓ ĐỊNH

0

TRỊ GIÁ BÁN HÀNG

45.165.272

TRỊ GIÁ TÒN TẠI NGÀY 24/09/2022

34.202.099

SỐ TIỀN CHƯA THANH TOÁN

0

CÔNG NỢ TẠI NGÀY 24/09/2022

80.420.092

ĐỊNH MỨC TÒN

0

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			
1	01/08/2022	00029022	2.346.080	187.686	2.533.766	04/08/2022	400001132208000746	2.346.078	187.685	2.533.763
2	05/08/2022	00029455	2.310.470	184.838	2.495.308	09/08/2022	400001132208000747	2.310.970	184.877	2.495.847
3	13/08/2022	00031139	3.118.577	249.486	3.368.063	17/08/2022	400001132208001171	3.118.576	249.486	3.368.062
4	16/08/2022	00031629	3.628.480	290.278	3.918.758	18/08/2022	400001132208001172	3.628.480	290.278	3.918.758
5	23/08/2022	00034264	4.028.319	322.266	4.350.585	26/08/2022	400001132208004617	4.028.319	322.265	4.350.584
6	23/08/2022	00034287	2.083.880	166.710	2.250.590	27/08/2022	400001132208005076	2.083.878	166.709	2.250.587
7	01/08/2022	00029030	1.463.483	117.079	1.580.562	03/08/2022	235001332208000028	1.463.480	117.078	1.580.558
8	01/08/2022	00029023	841.371	67.310	908.681	03/08/2022	206001332208000031	841.371	67.310	908.681
9	01/08/2022	00029029	1.055.051	84.404	1.139.455	03/08/2022	220001332208000043	1.055.050	84.404	1.139.454
10	02/08/2022	00029083	422.145	33.772	455.917	03/08/2022	303001332208000107	422.145	33.771	455.916
11	03/08/2022	00029287	1.378.762	110.301	1.489.063	04/08/2022	209001332208000027	1.378.760	110.301	1.489.061
12	03/08/2022	00029296	1.884.690	150.775	2.035.465	04/08/2022	003001332208000253	1.884.690	150.775	2.035.465
13	03/08/2022	00029292	1.024.510	81.961	1.106.471	05/08/2022	204001332208000117	1.024.510	81.962	1.106.472
14	03/08/2022	00029293	1.915.294	153.224	2.068.518	05/08/2022	276001332208000142	1.915.295	153.223	2.068.518
15	05/08/2022	00029445	2.224.857	177.989	2.402.846	06/08/2022	277001332208000196	2.224.859	177.988	2.402.847
16	05/08/2022	00029465	793.774	63.502	857.276	08/08/2022	272001332208000130	793.773	63.502	857.275
17	05/08/2022	00029458	1.582.576	126.606	1.709.182	08/08/2022	272001332208000131	1.582.575	126.606	1.709.181
18	08/08/2022	00029574	1.113.485	89.079	1.202.564	09/08/2022	278001332208000036	1.113.486	89.079	1.202.565
19	04/08/2022	00029393	1.208.179	96.654	1.304.833	09/08/2022	225001332208000053	1.208.180	96.655	1.304.835
20	08/08/2022	00029539	2.110.102	168.808	2.278.910	09/08/2022	014001332208000100	2.110.100	168.808	2.278.908
21	08/08/2022	00029573	3.698.093	295.847	3.993.940	09/08/2022	010001332208000212	3.698.095	295.847	3.993.942
22	08/08/2022	00029534	681.064	54.485	735.549	11/08/2022	303001332208000350	681.065	54.485	735.550
23	08/08/2022	00029524	1.413.289	113.063	1.526.352	11/08/2022	205001332208000371	1.413.288	113.064	1.526.352
24	10/08/2022	00029681	1.654.041	132.323	1.786.364	12/08/2022	268001332208000188	1.654.039	132.324	1.786.363
25	11/08/2022	00029726	1.180.165	94.413	1.274.578	13/08/2022	270001332208000302	1.180.167	94.414	1.274.581
26	12/08/2022	00030145	1.423.563	113.885	1.537.448	13/08/2022	009001332208000326	1.423.562	113.886	1.537.448
27	10/08/2022	00029708	961.670	76.934	1.038.604	15/08/2022	235001332208000150	961.665	76.933	1.038.598
28	16/08/2022	00031671	1.815.987	145.279	1.961.266	16/08/2022	260001332208000025	1.815.985	145.280	1.961.265
29	15/08/2022	00031556	852.969	68.238	921.207	17/08/2022	306001332208000134	852.968	68.237	921.205

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			
30	15/08/2022	00031538	765.889	61.271	827.160	17/08/2022	235001332208000183	765.890	61.271	827.161
31	15/08/2022	00031542	1.116.772	89.342	1.206.114	17/08/2022	206001332208000215	1.116.771	89.341	1.206.112
32	15/08/2022	00031595	1.496.109	119.689	1.615.798	17/08/2022	203001332208000406	1.496.109	119.689	1.615.798
33	15/08/2022	00031544	2.888.597	231.088	3.119.685	17/08/2022	005001332208000767	2.888.597	231.088	3.119.685
34	16/08/2022	00031623	1.557.150	124.572	1.681.722	18/08/2022	221001332208000056	1.557.149	124.572	1.681.721
35	18/08/2022	00031778	1.450.976	116.078	1.567.054	18/08/2022	258001332208000077	1.450.976	116.079	1.567.055
36	15/08/2022	00031536	1.386.252	110.900	1.497.152	18/08/2022	204001332208000348	1.386.250	110.900	1.497.150
37	17/08/2022	00031719	3.031.908	242.553	3.274.461	20/08/2022	269001332208000259	3.031.907	242.552	3.274.459
38	20/08/2022	00033973	805.661	64.453	870.114	23/08/2022	209001332208000200	805.660	64.453	870.113
39	19/08/2022	00033909	1.470.277	117.622	1.587.899	23/08/2022	003001332208001266	1.470.278	117.622	1.587.900
40	22/08/2022	00034176	1.027.077	82.166	1.109.243	24/08/2022	301001332208000874	1.027.079	82.166	1.109.245
41	20/08/2022	00034144	987.544	79.004	1.066.548	25/08/2022	268001332208000451	987.544	79.003	1.066.547
42	23/08/2022	00034286	4.484.988	358.799	4.843.787	26/08/2022	010001332208000639	4.484.990	358.799	4.843.789
43	29/08/2022	00036328	954.858	76.389	1.031.247	29/08/2022	209001332208000262	954.855	76.389	1.031.244
44	29/08/2022	00036380	1.460.106	116.808	1.576.914	30/08/2022	204001332208000550	1.460.106	116.809	1.576.915
45	29/08/2022	00036372	1.229.336	98.347	1.327.683	30/08/2022	268001332208000572	1.229.336	98.347	1.327.683
46	23/08/2022	00034261	1.189.254	95.140	1.284.394	31/08/2022	256001332208000245	1.189.254	95.140	1.284.394
47	31/08/2022	00036449	2.713.703	217.096	2.930.799	31/08/2022	014001332208000354	2.713.705	217.096	2.930.801

I - CỘNG NHẬP

80.231.383 6.418.512 86.649.895

80.231.865 6.418.548 86.650.413

1	02/08/2022	221001152208000001	422.020	33.762	455.782
2	03/08/2022	265001142208000001	422.020	33.762	455.782
3	05/08/2022	276001142208000003	1.639.144	131.132	1.770.276
4	06/08/2022	256001152208000009	166.796	13.344	180.140
5	08/08/2022	206001152208000010	362.580	29.006	391.586
6	08/08/2022	205001152208000019	204.893	16.391	221.284
7	10/08/2022	204001142208000015	43.700	3.496	47.196
8	12/08/2022	263001152208000004	1.161.792	92.943	1.254.735
9	15/08/2022	005001152208000018	136.213	10.897	147.110
10	15/08/2022	400001152208000018	158.420	12.673	171.093
11	15/08/2022	203001152208000029	250.194	20.016	270.210
12	15/08/2022	306001152208000031	105.505	8.440	113.945
13	16/08/2022	250001152208000013	105.630	8.450	114.080
14	18/08/2022	221001152208000009	101.845	8.148	109.993
15	24/08/2022	301001152208000077	105.505	8.440	113.945
16	25/08/2022	400001152208000108	329.269	26.341	355.610
17	30/08/2022	204001142208000045	52.815	4.225	57.040

II - CỘNG XUẤT TRẢ

5.768.341 461.466 6.229.807

III - CỘNG TIỀN THANH TOÁN (III = I - II)

74.463.042 5.957.046 80.420.088

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			

23.Thường doanh số không điều kiện (FUJI)

Tổng DS										17.515.806
TL										2,00
Doanh số T8/22 Fuji										350.316

4.Thường thanh toán đúng hạn (FUJI)

Tổng DS										17.515.806
TL										1,50
CKTT T8/22 Fuji										262.737

18.Hỗ trợ trung bày (FUJI)

Tổng DS										18.917.070
TL										1,00
Trung bày T8/22 Fuji										189.171

11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết (FUJI)

Tổng DS										18.917.070
TL										1,00
thẻ KHTT T8/21 Fuji										189.171

23.Thường doanh số không điều kiện

Tổng DS										56.947.236
TL										2,00
DS T8/22 brg										1.138.945

4.Thường thanh toán đúng hạn

Tổng DS										56.947.236
TL										1,50
CKTT T8/22 brg										854.209

18.Hỗ trợ trung bày

Tổng DS										61.503.015
TL										1,00
Trung bày T8/22 brg										615.030

11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết

Tổng DS										61.503.015
TL										1,00
Thẻ KHTT T8/22 brg										615.030

IV - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

4.214.609

V - TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (V = III - IV)

76.205.479

Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng chẵn

Ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG TCKT
KẾ TOÁN NH KẾ TOÁN TT

KIỂM SOÁT TT

TRƯỞNG BP KSTT

KTT

BAN TGD

**Nguyễn Thị Tú
Quyên**